TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/DS-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng đặt cọc* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 329/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXX- ST, ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45a/2024/QĐ-HPT ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Ông **Huỳnh Lộc T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (ông T có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đỗ Vinh Q – Văn phòng Luật sư Vinh Q thuộc đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn***:** Ông **Trương Văn C,** sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (ông C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Lộc T trình bày:*

Ông có ký hợp đồng mua bán lúa tươi với ông Trương Văn C làm 03 đợt với tổng số tiền 170.000.000 đồng (bao gồm 90.000.000 đồng và số tiền

30.000.000 đồng và 50.000.000đ). Đối với số tiền 90.000.000đ có lập hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 04/8/2023 đồng thời theo thỏa thuận hợp đồng nếu bên bán lúa không giao đủ số lượng lúa sẽ bồi thường cọc gấp 02 lần là 180.000.000đ còn đối với số tiền 30.000.000 đồng và 50.000.000đ thì ông không yêu cầu phạt cọc chỉ yêu cầu trả tiền gốc.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Lộc T yêu cầu Toà án buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền đặt cọc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền phạt cọc là 180.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Trương Văn C trình bày:*

Ông C thừa nhận có nhận tiền đặt cọc mua bán lúa của ông Huỳnh Lộc T 03 đợt với tổng số tiền 170.000.000 đồng (Bao gồm 90.000.000 đồng và số tiền 30.000.000 đồng và 50.000.000đ). Đối với số tiền 90.000.000đ có lập hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 04/8/2023 đồng thời theo thỏa thuận hợp đồng nếu bên bán lúa không giao đủ số lượng lúa sẽ bồi thường cóc gấp 02 lần là 180.000.000đ. Sau đó ông không thực hiện được hợp đồng như đã thỏa thuận.

Nay ông C đồng ý trả lại tiền cọc cho ông T với tổng số tiền là 170.000.000 đồng còn tiền phạt cọc đối với số tiền 90.000.000đ có lập hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 04/8/2023 với tiền phạt cọc là 180.000.000đ thì ông không đồng ý vì hiện nay không có khả năng thanh toán.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Lộc T yêu cầu Toà án buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền đặt cọc là 170.000.000đ và tiền phạt cọc là 180.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

Luật sư Đỗ Vinh Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Huỳnh Lộc T trình bày: Giữa ông Huỳnh Lộc T và ông Trương Văn C có thỏa thuận mua bán lúa tươi với nhau và phía ông T đã giao cho ông C tổng số tiền cọc là 170.000.000đ, tuy nhiên do ông C vi phạm thỏa thuận không giao lúa cho ông T như đã thỏa thuận nên buộc ông C phải trả lại tổng số tiền cọc là 170.000.000đ và tiền phạt cọc đối với số tiền 90.000.000đ theo hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 04/8/2023 với số tiền là 180.000.000đ là phù hợp vì trong hợp đồng có quy định

thỏa thuận hai bên. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông C phải trả lại cho ông T số tiền đặt cọc là 170.000.000đ và tiền phạt cọc là 180.000.000đ theo thỏa thuận của hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Lộc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền đặt cọc là 170.000.000đ và tiền phạt cọc là 180.000.000đ, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn ông C có nơi cư trú tại ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Về quan hệ tranh chấp: Giữa ông Huỳnh Lộc T và ông Trương Văn C có thỏa thuận đặt cọc để xác lập hợp đồng mua bán lúa tươi. Nay, các đương sự có phát sinh tranh chấp, nên xác định mối quan hệ pháp luật đối với giao dịch của các đương sự là tranh chấp hợp đồng đặt cọc và bồi thường tiền đặt cọc theo Bộ luật dân sự 2015.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Vào ngày ngày 04/8/2023 ông T và ông C có ký hợp đồng mua bán lúa tươi với nội dung thể hiện ông C đồng ý bán lúa tươi cho ông N, loại lúa là 5451, cắt lúa vào ngày 15/08/2023 với tổng số tiền đặt cọc hợp đồng là 90.000.000đ, nếu trường hợp bên bán không giao đủ lúa thì phải bồi thường gấp 2 lần số tiền đặt cọc đã nhận. Ngoài ra, giữa ông T và ông C còn hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán lúa tươi thêm 02 lần và đã đặt cọc thêm 02 lần với số tiền là 30.000.000đ và 50.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền đặt cọc 03 lần ông C đã nhận là 170.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi đến ngày cân lúa thì phía ông C không thực hiện đúng hợp đồng giao lúa cho ông T và đã bán hết lúa cho người khác nên ông T yêu cầu ông C trả lại tiền cọc 03 lần là 170.000.000đ và bồi thường tiền cọc đối

với số tiền cọc là 90.000.000đ theo hợp đồng mua bán lúa tươi ký ngày 04/8/2023 với tiền phạt cọc theo thỏa thuận là 180.000.000đ

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng thể hiện bị đơn đã vi phạm hợp đồng không giao đủ sản lượng lúa cho nguyên đơn đồng thời bị đơn cũng thừa nhận lỗi và đồng ý trả lại tiền cọc 170.000.000đ còn tiền bồi thường tiền cọc số tiền 180.000.000đ nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn không đồng ý vì không có khả năng trả tiền.

Xét thấy, đối với tiền cọc mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn 03 lần với tổng số tiền là 170.000.000đ là thật và vấn đề này cũng được bị đơn thừa nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn còn đối với số tiền phạt cọc theo hợp đồng mua bán lúa tươi ký ngày 04/8/2023 với tiền phạt cọc theo thỏa thuận là 180.000.000đ thì bị đơn không đồng ý thanh toán vì không có khả năng. HĐXX xét thấy, khi hai bên giao kết hợp đồng có thể hiện vấn đề phạt cọc nếu có vi phạm đồng thời theo hợp hợp đồng mua bán lúa tươi ký ngày 04/8/2023 thì bị đơn vi phạm không giao lúa cho nguyên đơn nên đây là lỗi hoàn toàn của bị đơn, việc bị đơn không giao đủ lúa cho nguyên đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường lại tiền cọc (phạt cọc) cho nguyên đơn 02 lần theo hợp đồng đã thỏa thuận với tổng số tiền là 180.000.000đ là phù hợp theo quy định pháp luật. Mặt khác, bị đơn không có ý kiến về số tiền phạt cọc mà chỉ cho rằng không có khả năng trả tiền phạt theo hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền cọc và bồi thường tiền cọc với số tiền 350.000.000đ là phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền cọc là 170.000.000đ và tiền bồi thường tiền cọc với số tiền 180.000.000đ, tổng số tiền 350.000.000đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Đỗ Vinh Quang tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền tranh chấp là 350.000.000đ x 5% = 17.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; các Điều 40, 144, 147, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều: 328, 357, 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Lộc T.

Buộc ông Trương Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Lộc T tổng số tiền phải là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Trương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 17.500.000đ. Ông Huỳnh Lộc T không phải chịu án phí.Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Lộc T số tiền 8.804.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002380 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/5/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Ngọc Luân